

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS - ST

Ngày: 02/10/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST – DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST - DS ngày 31 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: 266 – 268 N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trang Thành T; sinh năm: 1987. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S– chi nhánh L; Địa chỉ: Đường Đ, Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền số 4092/2019/GUQ –PL ngày 16/12/2019). (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 1985; địa chỉ: Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2020, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 03/5/2019, Ngân hàng S - chi nhánh L có ký với bà Lê Thị Bé H hợp đồng tín dụng số LD 1912300478 để vay số tiền 100.000.000 đồng với các điều kiện thỏa thuận sau:

+ Thời hạn vay: 60 tháng;

- + Mục đích: tiêu dùng.
- + Lãi suất: 9,5%/năm.
- + Kỳ trả lãi: Vào ngày cuối mỗi tháng;
- + Phương thức trả nợ: vốn gốc và lãi chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau:
Số kỳ trả nợ: 60 kỳ.
Kỳ hạn trả nợ: Hàng tháng.

Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/7/2019. Các kỳ trả nợ tiếp theo vào ngày cuối mỗi tháng. Kỳ trả nợ cuối cùng sẽ trả vào ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng này. Số tiền trả mỗi kỳ: 2.458.700 đồng; số tiền trả kỳ cuối: 2.438.700 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 10/02/2020 bà H đã vi phạm nghiêm trọng để phát sinh nợ quá hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được 17.210.900 đồng; trong đó vốn gốc là 11.669.000 đồng; lãi: 5.541.900 đồng. Tính đến ngày 02/10/2020, bà H còn nợ ngân hàng số tiền 96.245.475 đồng. Trong đó:

- + Vốn gốc: 88.331.000 đồng.
- + Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng.
- + Lãi quá hạn: 736.397 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà Lê Thị Bé H có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng số tiền 96.245.475 đồng. (trong đó vốn gốc: 88.331.000 đồng; Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng; Lãi quá hạn: 736.397 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà H trả hết nợ gốc và lãi.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Bé H thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, triệu tập bà H để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công KH chứng cứ và hòa giải, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà H được vì bà H đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công KH các văn bản tố tụng cho bà H theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Bé H đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Bé H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 96.245.475 đồng. (trong đó vốn gốc: 88.331.000 đồng; Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng; Lãi quá hạn: 736.397 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà H trả hết nợ gốc và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Bé H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ H nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền nợ gốc: 88.331.000 đồng; Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng; Lãi quá hạn: 736.397 đồng. Ngân hàng có cung cấp Hợp đồng tín dụng, thể hiện bà H có vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã thanh toán được khoản nợ gốc với số tiền là 11.669.000 đồng (mười một triệu, sáu trăm sáu mươi chín ngàn đồng), chỉ còn nợ lại số nợ gốc là 88.331.000 đồng (tám mươi tám triệu, ba trăm ba mươi một ngàn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công KH chứng cứ cho bà H biết nhưng bà H không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Lê Thị Bé H có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 88.331.000 đồng.

Theo quy định tại mục 1.2 và mục 1.11 khoản 1 của Các điều khoản chung về cấp tín dụng: *Thì ngân hàng có quyền không giải ngân, đình chỉ giải ngân, thu hồi nợ trước hạn khi bên được cấp tín dụng đang có số dư nợ cấp tín dụng tại Sacombank đã được cơ cấu nợ hoặc nợ quá hạn; hoặc trong trường hợp tình hình sản xuất, kinh doanh, tài chính của bên được cấp tín dụng có diễn biến xấu hoặc lâm vào các trường hợp khác mà theo kết quả thẩm định, tái thẩm định của Sacombank làm ảnh hưởng không tốt đến khả năng trả nợ của bên được cấp tín dụng.* Nhận thấy việc bà H không thanh toán số tiền vốn gốc 88.331.000 đồng đúng hạn đã vi phạm các điều khoản ký kết trên. Do đó yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H thanh toán số tiền nợ gốc: 88.331.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại mục 2.4; mục 2.5 Khoản 2 của Các điều khoản chung về cấp tín dụng thì: *“ Trường hợp chậm trả nợ gốc, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn mà bên được cấp tín dụng không trả đúng bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong hợp đồng này/ Giấy nhận nợ tương ứng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp chậm trả lãi, bên được cấp tín dụng đồng ý chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.* Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa

thuận trong trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà H trả số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử, cụ thể lãi trong hạn: 7.178.078 đồng; Lãi quá hạn: 736.397 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền vốn vay, tiền lãi vay mà bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử là 96.245.475 đồng. (trong đó vốn gốc: 88.331.000 đồng; Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng; Lãi quá hạn: 736.397 đồng). Bà H còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 03/10/2020 cho đến khi trả xong nợ gốc

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn bà Lê Thị Bé H phải chịu 4.812.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S; Buộc bị đơn bà Lê Thị Bé H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử với số tiền 96.245.475 đồng (chín mươi sáu triệu, H trăm bốn mươi lăm ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng. (trong đó vốn gốc: 88.331.000 đồng (tám mươi tám triệu, ba trăm ba mươi một ngàn đồng); Lãi trong hạn: 7.178.078 đồng (bảy triệu, một trăm bảy mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi tám đồng); Lãi quá hạn: 736.397 đồng (bảy trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 03/10/2020, nếu bà Lê Thị Bé H chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng S, thì bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Bé H phải chịu 4.812.000 đồng (bốn triệu, tám trăm mười H ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.351.000 đồng (H triệu, ba trăm năm mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005962 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà